

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 6 - 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh
2. Ông Nguyễn Hồng Diên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2025/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2025; về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-ST, ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1986; căn cước công dân số: 002186010544 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/5/2022; "có mặt"

- Bị đơn: Anh Sin Văn C, sinh năm 1987; căn cước công dân số: 002087002554 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/10/2022 "vắng mặt lần 2, không có lý do".

Cùng trú tại: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2025 và tại phiên toà chị Đặng Thị T trình bày: Chị và anh S Văn Công tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng đến ngày 08/02/2012 vợ chồng chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được khoảng mười năm sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, bên cạnh đó anh C thường xuyên chơi bời, cờ bạc không quan tâm gì đến vợ và các con dẫn đến kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn; việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Trên thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa; chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; vì vậy chị làm đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn anh S Văn Công theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có ba con chung là cháu Sin Thị Thanh T1, sinh ngày 07/7/2006, cháu Sin Thị Bích N, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Sin Thị Bích N1, sinh ngày 02/10/2016 hiện nay cháu N và cháu N1 đang sinh sống cùng với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N và cháu N1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn; còn đối với cháu Sin Thị Thanh T1 hiện nay cháu đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và có gia đình riêng, vì vậy khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh S Văn Công vắng mặt, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho Trưởng thôn V, xã V là ông Sèn Văn B, ông B đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh C được biết việc chị T yêu cầu ly hôn anh C. Tòa án triệu tập anh C đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng anh C đều vắng mặt. Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh C nhiều lần để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các Biên bản xác minh ngày 06/5/2025 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với ông Sèn Văn B - Là Trưởng thôn V, xã V và ông Hoàng Văn L là Công chức Tư pháp - Hộ tịch, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang nơi chị T và anh C sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Đặng Thị T và anh S Văn Công tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng đến ngày 08/02/2012 vợ

chồng anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng mười năm sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, bên cạnh đó anh C thường xuyên chơi bời không quan tâm gì đến vợ và các con dẫn đến kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn; việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Trên thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có ba con chung là cháu Sin Thị Thanh T1, sinh ngày 07/7/2006, cháu Sin Thị Bích N, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Sin Thị Bích N1, sinh ngày 02/10/2016 hiện nay cháu N và cháu N1 đang sinh sống cùng với chị T, cháu N và cháu N1 đã trên bảy tuổi trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh C thì quan điểm của chính quyền xã V là đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của các cháu và giải quyết theo quy định của pháp luật; còn cháu T1 hiện nay cháu đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và công nợ, do chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Sin Văn C.

Về con chung: Giao cháu Sin Thị Bích N, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Sin Thị Bích N1, sinh ngày 02/10/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Còn đối với cháu Sin Thị Thanh T1, sinh ngày 07/7/2006 hiện nay cháu đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị Đặng Thị T có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh S Văn Công có nơi cư trú tại thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án thông qua trưởng thôn V, xã V anh S Văn Công nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh C vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị Đặng Thị T yêu cầu ly hôn. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh C vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S Văn C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh S Văn Công tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau được khoảng mười năm sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, bên cạnh đó anh C thường xuyên chơi bời, cờ bạc không quan tâm gì đến vợ và các con dẫn đến kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn; việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Trên thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh C nhưng anh C vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị T. Chị T xác định không còn tình cảm với anh C, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, chị T kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị T không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị T.

[5] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có ba con chung là cháu Sin Thị Thanh T1, sinh ngày 07/7/2006, cháu Sin Thị Bích N, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Sin Thị Bích N1, sinh ngày 02/10/2016 hiện nay cháu N và cháu N1 đang sinh sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu N và cháu N1 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu T1 hiện nay cháu đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị T đang nuôi cháu N và cháu N1, anh chị đều là lao động tự do, ngoài ra quá trình giải quyết Tòa án cũng đã lấy lời khai của cháu N và cháu N1, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu N và cháu N1 và đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập của hai cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu N và cháu N1 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Sin Văn C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị T. Chị Đặng Thị T được ly hôn anh Sin Văn C.

2. Về việc nuôi con chung: Chị Đặng Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu là Sin Thị Bích N, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Sin Thị Bích N1, sinh ngày 02/10/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh S Văn Công không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Còn đối với cháu Sin Thị Thanh T1, sinh ngày 07/7/2006 hiện nay cháu đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh C, chị T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0002215, ngày 31/3/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Vĩnh Phúc (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh

